

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HS-ST.

Ngày: 13-4-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thủy Trang.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1988 tại Nghệ An;

Nơi đăng ký thường trú: Xóm 7B, xã Q, huyện QL, tỉnh Nghệ An; Nơi sinh sống: Nhà máy xử lý nước thải khu công nghiệp L, đường Số 10, khu công nghiệp L, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc D và bà Vũ Thị H; Vợ: Nguyễn Thị T; Có 01 con tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 16/10/2021 và chuyển tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Bị hại: Anh Trần Khắc T, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã TH, huyện TG, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Nhà máy xử lý nước thải khu công nghiệp Long Thành, đường Số 10, khu công nghiệp Long Thành, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn N, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 70, LD, Tổ 2, Ấp 1, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc Q và Trần Khắc T là công nhân Nhà máy xử lý nước thải tại Khu công nghiệp L, xã T, huyện L. Do muốn có tiền tiêu xài, Q nảy sinh ý định mượn xe mô tô hiệu Honda Winner biển số 70C1-235.89 của anh T đem cầm cố lấy tiền. Lúc 13 giờ 30 phút ngày 15/10/2021, Q tìm gặp anh T để mượn xe mô tô trên nhưng anh T không đồng ý. Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày, lợi dụng lúc anh T đang làm việc, Q đi về phòng nghỉ của anh T tại khu lưu trú Nhà máy xử lý nước thải lục tìm trong túi của anh T lấy được 01 chìa khóa xe mô tô biển số 70C1-235.89, 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Khắc T, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 70C1-235.89 mang tên Nguyễn Thanh Phong cùng số tiền 700.000 đồng. Sau đó, Q đi đến khu vực nhà để xe của nhà máy trên lấy trộm xe mô tô hiệu Honda Winner biển số 70C1-235.89 của anh T đem đến tiệm cầm đồ “M” ở xã A, huyện L do ông Võ Văn N làm chủ cầm cố xe mô tô trên kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Thanh P và 01 căn cước công dân của anh T để lấy số tiền 15.000.000 đồng. Q sử dụng số tiền cầm cố trên mua 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đen hết 1.200.000 đồng, số tiền còn lại Q nạp vào tài khoản cá nhân để thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa trên trang mạng Internet và thua hết số tiền trên. Đến 12 giờ ngày 16/10/2021, Q đến Đồn Công an khu công nghiệp Long Thành đầu thú.

Tại Kết luận định giá tài sản số 117/KL-HĐĐGTS ngày 21/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Winner biển số 70C1-235.89 màu đỏ - đen - trắng đã qua sử dụng, trị giá 17.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 17.700.000 đồng (Mười bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Vật chứng, tài sản tạm giữ gồm: 01 xe mô tô hiệu Honda Winner biển số 70C1-235.89 màu đỏ - đen - trắng; 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Khắc T; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 70C1-235.89 mang tên Nguyễn Thanh Phong đã thu hồi trả lại cho bị hại và 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đen là tài sản do bị cáo mua từ tiền cầm cố tài sản trộm cắp mà có.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền 15.000.000 đồng do cầm cố xe.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKSLT ngày 07 tháng 02 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Q từ 12 (mười hai) tháng đến 14 (mười bốn) tháng tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo bồi thường theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Lúc 13 giờ 30 phút ngày 15/10/2021 tại Nhà máy xử lý nước thải tại Khu công nghiệp Long Thành, xã T, huyện L, bị cáo Nguyễn Ngọc Q có hành vi lén lút trộm cắp của anh Trần Khắc T 01 xe mô tô hiệu Honda Winner biển số 70C1-235.89, 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Khắc T và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 70C1-235.89 mang tên Nguyễn Thanh Phong và số tiền 700.000 đồng. Trị giá xe mô tô do bị chiếm đoạt là 17.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 17.700.000 đồng (mười bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Xét thấy, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc Q đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do có tư tưởng hưởng thụ, lười lao động, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ nhu cầu của bản thân nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú và bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Trần Khắc T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền cầm cố là 15.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý trả lại số tiền 15.000.000 đồng cho ông N nên ghi nhận và buộc bị cáo trả lại cho ông N số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

[6] Về biện pháp tư pháp: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đen là tài sản do bị cáo mua từ tiền cầm cố tài sản trộm cắp mà có, cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

[7] Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Winner biển số 70C1-235.89 màu đỏ - đen – trắng; 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Khắc T; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 70C1-235.89 mang tên Nguyễn Thanh Phong, Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho bị hại là có căn cứ.

Đối với lời khai của bị cáo về việc sử dụng số tiền cầm cố tài sản trộm cắp chơi đánh bạc trên mạng Internet chưa đủ căn cứ xử lý nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Q 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Q trả lại cho ông Võ Văn N số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc Q phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Ngọc Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại anh Trần Khắc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- CQĐT Công an huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QL, NVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Minh Hoàng